

Bản án số: **66/2018/DS-ST**
Ngày 25-12-2018
V/v tranh chấp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Minh Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Quốc Thống.

Ông Trần Công Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp hội theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1958 (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Anh Trương Việt K, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp 3, xã N, huyện M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-9-2018 và biên bản hòa giải ngày 15-11-2018 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thanh T trình bày:

Quá trình bà Nguyễn Thanh T làm chủ hội, anh Trương Việt K và chị Huỳnh Thị N tham gia 02 dây hội mở ngày 17-5-2015 và ngày 09-9-2015 âm lịch, loại hội 1.000.000 đồng, hội tháng; hiện nay đã mãn hội. Sau khi anh K và chị N hốt đóng đến tháng 02 năm 2017 âm lịch thì ngưng không đóng.

Nay bà T yêu cầu anh K và chị N cùng có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ hội từ tháng 3 năm 2017 âm lịch đến khi mãn hội là: 09 kỳ hội chết x 02 phần x 1.000.000 đồng = 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Tại biên bản hòa giải ngày 15-11-2018, bị đơn là chị Huỳnh Thị N trình

bày: Chị N xác định thời điểm mở hai dây hụi, chị có tham gia mỗi dây 01 phần và đã hốt chưa đóng 09 kỳ hụi chết với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Chị N cho rằng anh K không biết việc chị tham gia chơi hụi và chị hốt 02 phần hụi sử dụng vào mục đích chi xài, mua sắm đồ dùng cá nhân. Khi chị N bỏ đi hồi tháng 6 năm 2016 thì anh K mới biết nên chị xác định đây là nợ riêng và đồng ý trả cho bà T số tiền 18.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 15-11-2018, bị đơn là anh Trương Việt K trình bày: Quá trình bà T làm chủ hụi anh không có tham gia chơi hụi; đến khi chị N bỏ đi thì anh mới biết chị N có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ. Trước đây bà T có kiện hụi tại Đảng ủy xã N, huyện M và tại thời điểm này chị N đang bệnh nên anh K đồng ý cùng với chị N trả cho bà T. Anh K xác định chị N hốt hai phần hụi sử dụng vào mục đích gì anh không biết và hiện nay chị N đã hết bệnh nên chị N có nghĩa vụ trả cho bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Việt K và chị Huỳnh Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên xem như từ bỏ quyền của mình tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Giao dịch dân sự giữa bà T với anh K và chị N được xác định tại thời điểm thực hiện là hợp đồng hụi theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T, thấy rằng: Tại biên bản hòa giải ngày 15-11-2018, các đương sự đều thống nhất xác định quá trình bà T làm chủ hụi, chị N có tham gia 02 phần hụi trong hai dây hụi (loại hụi 1.000.000 đồng) mở ngày 17-5-2015 và ngày 09-9-2015; chị N đã hốt cả 02 phần hụi còn nợ lại 09 kỳ hụi chết x 02 phần x 1.000.000 đồng = 18.000.000 đồng và chị N đồng ý trả cho bà T.

[4] Xét về nghĩa vụ thanh toán: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu anh K và chị N cùng có nghĩa vụ trả số tiền nêu trên. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị N tham gia hụi thì quan hệ hôn nhân giữa chị N với anh K đang tồn tại, vợ chồng vẫn sống chung và hiện nay đang tiếp tục duy trì. Tại biên bản ngày 16-02-2017 tại UBND xã N, huyện M thể hiện: Anh K thống nhất xác định chị N có tham gia hụi do bà T làm chủ và thừa nhận còn nợ lại 18.000.000 đồng thỏa thuận trả hàng tháng đến khi dứt nợ. Như vậy, chị N và anh K cho rằng việc tham gia hụi là do chị N tự ý tham gia và số tiền hốt hụi sử dụng vào mục đích riêng nên chị N có nghĩa vụ trả cho bà T là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Như đã phân tích, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T. Buộc anh Trương Việt K và chị Huỳnh Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho

bà Nguyễn Thanh T số tiền hui còn nợ lại là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án, anh K và chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% tương ứng với số tiền theo yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận là 18.000.000 đồng. Cụ thể: 18.000.000 đồng x 5% = 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

[7] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T được Tòa án chấp nhận nên bà T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, đã dự nộp được hoàn trả lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thanh T. Buộc anh Trương Việt K và chị Huỳnh Thị N cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền hui còn nợ lại là 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng).

Đối với khoản tiền phải thanh toán. Kể từ ngày bà Nguyễn Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành xong, anh Trương Việt K và chị Huỳnh Thị N phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trương Việt K và chị Huỳnh Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng), chưa nộp.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã dự nộp 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tại biên lai số 0004008 ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Việt K và chị Huỳnh Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Dương Minh Út